

HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG*

Tóm tắt: Học viện Phụ nữ Việt Nam có 13.7% sinh viên là người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Nùng, Thái, Mông, Tày, Mường. Sinh viên dân tộc thiểu số có những đặc thù về văn hóa, tâm lý, phong tục tập quán của dân tộc mình, ảnh hưởng nhất định đến hoạt động học tập. Vì thế, Học viện đã chú trọng đến các hoạt động công tác xã hội nhóm cho sinh viên dân tộc thiểu số. Bài viết chia sẻ kết quả nghiên cứu đánh giá nhu cầu và thực trạng công tác xã hội nhóm với sinh viên dân tộc thiểu số tại Học viện Phụ nữ Việt Nam. Qua đó, tác giả đưa giải pháp phát triển mô hình công tác xã hội nhóm với sinh viên dân tộc thiểu số tại học viện Phụ nữ Việt Nam nói riêng và những gợi mở của mô hình với sinh viên dân tộc thiểu số cả nước nói chung.

Từ khóa: Công tác xã hội, công tác xã hội nhóm, dân tộc thiểu số.

Abstract: The Vietnam Women's Academy has 13.7% students from ethnic minorities, mainly the Nung, Thai, Mong, Tay, and Muong. Ethnic minority students have their own specific characteristics of culture, psychology, customs and habits which certainly influences their learning activities. Therefore, the academy has focused on group social work activities for them. In this article, the author shares the research results on assessing the demand and status of the group social work with ethnic minority students at the Vietnam Women's Academy. Thereby, the author proposes solutions to develop the model of the group social work with ethnic minority students at the Vietnam Women's Academy in particular, and suggestions for the model with Vietnamese ethnic minority students.

Keywords: Social work, group social work, ethnic minorities.

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội nhóm có vai trò quan trọng trong quá trình hỗ trợ thân chủ yếu thể có những khó khăn trong xã hội. Vai trò của công tác xã hội nhóm thể hiện ở những tác động về mặt tâm lý, tình cảm mang lại cho các cá nhân có khó khăn trong cuộc sống như giải tỏa tâm tư, tình cảm, giúp họ lấy lại sự lạc quan, giá trị của bản thân. Công tác xã hội nhóm đóng vai

* Học viện Phụ nữ Việt Nam

Ngày nhận bài: 15/11/2021; Ngày phản biện: 18/2/2022; Ngày duyệt đăng: 1/11/2022

trò quan trọng trong hỗ trợ cá nhân về xã hội, trợ giúp họ tự tin quản lý cuộc sống bản thân (Nguyễn Thị Thái Lan, 2008, tr. 39).

Công tác xã hội nhóm là một phương pháp can thiệp của Công tác xã hội (CTXH). Đây là tiến trình trợ giúp trong đó các thành viên trong nhóm được tạo cơ hội và môi trường có các hoạt động tương tác lẫn nhau, chia sẻ những quan tâm hay những vấn đề chung, tham gia vào các hoạt động nhóm nhằm đạt được mục tiêu chung của nhóm và hướng đến giải quyết những mục đích cá nhân giải quyết những vấn đề khó khăn. Trong hoạt động Công tác xã hội nhóm, một nhóm thân chủ được thành lập, sinh hoạt thường kỳ dưới điều phối của người trưởng nhóm và nhân viên xã hội (Nguyễn Thị Thái Lan, 2008, tr.34).

Sinh viên dân tộc thiểu số (DTTS) là sinh viên dân tộc ít người đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng - nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội (Nguyễn Thị Nhung, 2017). Họ sinh ra và lớn lên ở những vùng miền khác nhau và có điều kiện sống khác nhau, có những khó khăn nhất định về kinh tế, xã hội, hạn chế về các điều kiện khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và đời sống tinh thần.

Năm học 2020 - 2021, theo số liệu thống kê từ Phòng công tác sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, năm học 2020 - 2021, Học viện có 274/2003 sinh viên là người dân tộc thiểu số (chiếm 13,7%) trong đó dân tộc Tày có 82 sinh viên (chiếm 30%); dân tộc Thái 62 sinh viên (chiếm 22,6%), dân tộc Mông 33 sinh viên (chiếm 12,1%), còn lại là các dân tộc khác. Trong đó có những sinh viên thuộc dân tộc rất ít người như Kháng, Giáy, Hre... Sinh viên DTTS của Học viện Phụ nữ Việt Nam đến từ các huyện, các tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, nơi thiếu thốn về cơ vật chất, trang thiết bị, trình độ dân trí chưa cao. Trước yêu cầu xã hội hiện nay, việc đào tạo sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc là mục tiêu quan trọng của Học viện Phụ nữ Việt Nam nói riêng và các trường Đại học nói chung. Nhược điểm lớn nhất của sinh viên DTTS của Học viện là khả năng giao tiếp bằng Tiếng Việt, cũng như sự tự tin và chủ động trong quá trình học tập, trải nghiệm còn hạn chế (Đặng Thái Sơn, 2014). Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động công tác xã hội nhóm cho sinh viên DTTS sẽ góp phần khắc phục hạn chế này. Do vậy, Học viện luôn chú trọng đến hoạt động công tác xã hội nhóm với sinh viên DTTS. Bài viết dựa trên nghiên cứu của tác giả về Công tác xã hội nhóm với sinh viên DTTS tại Học viện Phụ nữ Việt Nam, tiến hành nghiên cứu trên nhóm khách thể là sinh viên DTTS của Học viện Phụ nữ Việt Nam năm học 2020 - 2021.

2. Phương pháp

Bài viết tìm hiểu thực trạng hoạt động công tác xã hội nhóm cho sinh viên DTTS tại Học viện Phụ nữ Việt Nam qua các hoạt động: Hoạt động nhóm giáo dục; hoạt động nhóm phát triển kỹ năng xã hội; hoạt động nhóm giải trí; hoạt động nhóm phát triển kỹ năng tìm kiếm việc làm.

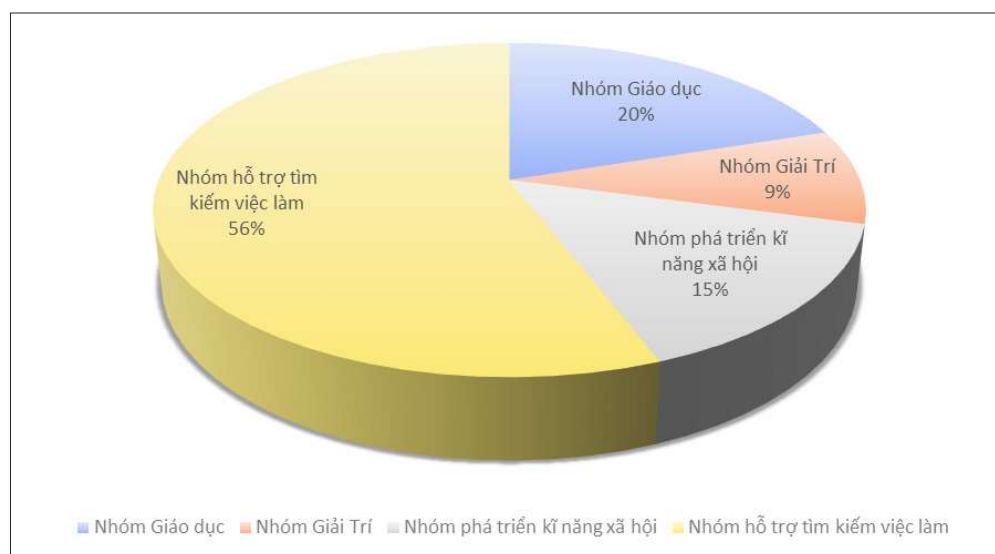
Phạm vi khách thể: Mẫu nghiên cứu là 120 sinh viên DTTS hệ đại học chính quy gồm sinh viên các khóa K8 (sinh viên năm thứ nhất) 10 sinh viên; K7 (SV năm thứ 2) 30 sinh viên, K6 (SV năm thứ 3) 40 sinh viên, K5 (SV năm thứ 4) 40 sinh viên. Phương pháp chọn mẫu là phương pháp phân tầng ngẫu nhiên không theo tỷ lệ và ngẫu nhiên hệ thống. Tác giả đã hướng dẫn về mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát này và giải thích ý nghĩa của từng câu hỏi từng nhân tố trong phiếu hỏi cho sinh viên, đồng viên sinh viên trả lời một cách khách quan. Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, lấy ý kiến của 10 nhân viên xã hội là giảng viên chuyên ngành công tác xã hội và SV năm cuối ngành công tác xã hội tham gia quản lý các nhóm giáo dục trên.

Trong 120 sinh viên DTTS được khảo sát có 45% sinh viên nam và 55% sinh viên nữ. Vì sinh viên DTTS của Học viện có lượng nam giới ít hơn so với nữ giới. Như vậy, con số này đảm bảo yếu tố khách quan cho việc nghiên cứu về thực tế hoạt động công tác xã hội nhóm với sinh viên dân tộc thiểu số của học viện. Khi tiến hành khảo sát sinh viên DTTS thì SV là dân tộc Tày chiếm 40%, SV dân tộc Thái chiếm 28 %, dân tộc Mông chiếm 18 %, dân tộc khác chiếm 14 %.

3. Nội dung

3.1. Thực trạng hoạt động công tác xã hội nhóm với sinh viên DTTS của Học viện Phụ nữ Việt Nam

Về nhu cầu tham gia hoạt động công tác xã hội, có 90% sinh viên DTTS có nhu cầu tham gia các hoạt động CTXH, chỉ có 12% sinh viên DTTS là không có nhu cầu tham gia các hoạt động CTXH. Trong đó, 81% sinh viên DTTS có nhu cầu về các dịch vụ CTXH nhóm, có 19 % sinh viên DTTS không có nhu cầu về dịch vụ CTXH nhóm (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Nhu cầu tham gia các hoạt động công tác xã hội nhóm của sinh viên DTTS

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, trong các hoạt động CTXH nhóm thì hoạt động nhóm hỗ trợ tìm kiếm việc làm có số lượng sinh viên DTTS có nhu cầu tham gia cao nhất, chiếm 55,8%. Bên cạnh đó sinh viên DTTS cũng nhu cầu tham gia các hoạt động công tác xã hội với nhóm giáo dục là 20,0%, nhóm phát triển kỹ năng xã hội 15,0%, nhóm giải trí là 9,2%.

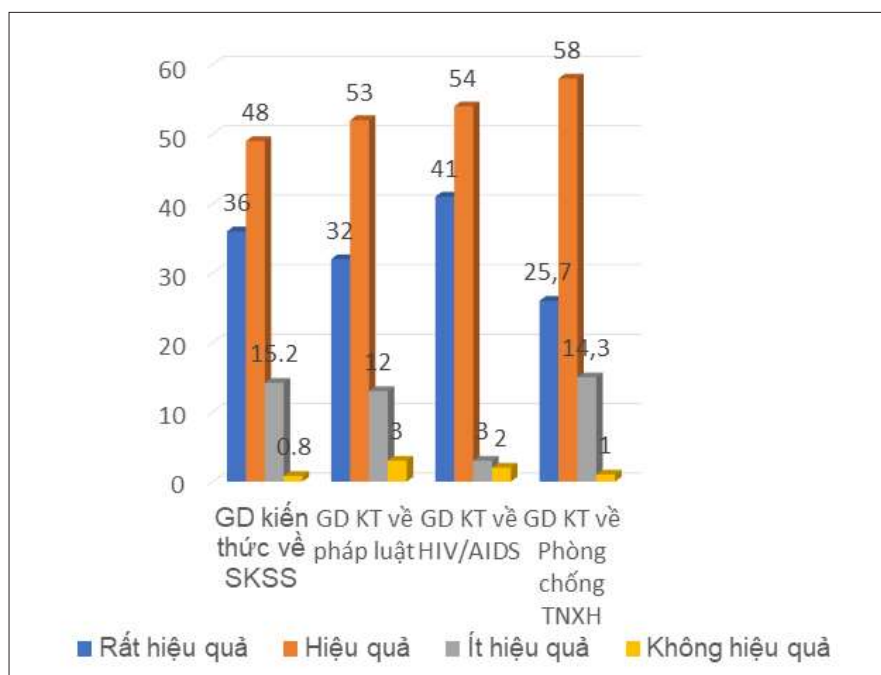
Có thể thấy, sinh viên DTTS trong mẫu nghiên cứu có nhiều nhu cầu hiện tại khác nhau. Các em đã quan tâm đến hoạt động công tác xã hội nhóm và có nhu cầu được tham gia vào các hoạt động công tác xã hội nhóm với các loại hình nhóm khác nhau. Vì vậy, cần thiết có sự tham gia của nhân viên công tác xã hội hỗ trợ cho nhóm đối tượng này thông qua các kiến thức, kỹ năng chuyên môn của nhân viên xã hội giúp cho sinh viên DTTS vững tin đóng góp cho xã hội.

3.1.1. Hoạt động nhóm giáo dục

Song song với việc sinh viên DTTS được cung cấp kiến thức, năng lực chuyên ngành mình lựa chọn tại Học viện Phụ nữ Việt Nam, các em còn được tham gia vào các nhóm giáo dục nhằm thúc đẩy sự thay đổi về nhận thức hành vi, trang bị thêm các kiến thức, kỹ năng cơ bản giúp cho sinh viên DTTS dần hoàn thiện bản thân.

* Về nội dung và mức độ hiệu quả của hoạt động nhóm giáo dục

Nội dung chủ yếu của hoạt động nhóm giáo dục là giáo dục kiến thức về sức khỏe sinh sản, giáo dục kiến thức về pháp luật, giáo dục kiến thức về HIV/AIDS, giáo dục kiến thức về phòng chống tệ nạn xã hội.



Biểu đồ 2. Nội dung và mức độ hiệu quả của hoạt động nhóm giáo dục

Có 80% sinh viên cho rằng hoạt động giáo dục nhóm có mức độ rất hiệu quả và hiệu quả. Bên cạnh đó, còn đến 20% sinh viên cho rằng hoạt động giáo dục nhóm không hiệu quả và ít hiệu quả. Như vậy, có thể nói rằng hoạt động giáo dục nhóm cho sinh viên dân tộc thiểu số đã được chú trọng. Học viện Phụ nữ Việt Nam luôn tăng cường việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho SV thông qua các nhóm nhỏ và mạng lưới hiệu quả cao. Rất nhiều sinh viên DTTS đã biết đến các hoạt động giáo dục nhóm và đạt được kết quả nhất định.

Về nội dung hoạt động giáo dục kiến thức về SKSS cho thấy tỷ lệ sinh viên đánh giá từ mức độ hiệu quả chiếm 84%, chỉ có 0,8% sinh viên đánh giá không hiệu quả. Thông qua các buổi tuyên truyền giúp sinh viên DTTS của Học viện nêu cao ý thức và hành động hữu ích về sức khỏe sinh sản, giới tính. Tuy nhiên, hàng năm vẫn có sinh viên DTTS của Học viện phải bỏ học, hay bảo lưu kết quả học tập do mang thai và sinh con. Hệ quả này do nhận thức của sinh viên DTTS về các biện pháp tránh thai an toàn còn hạn chế, và do phong tục tập quán kết hôn sớm của người DTTS.

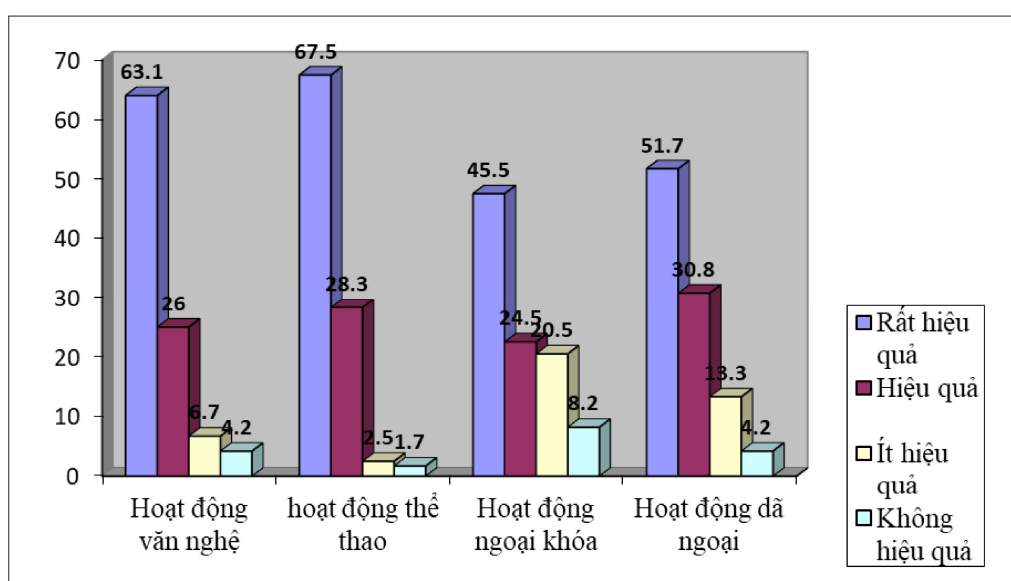
Về nội dung giáo dục kiến thức pháp luật cho thấy 85% sinh viên đánh giá từ mức độ hiệu quả trở lên, bên cạnh đó còn đến 15% sinh viên đánh giá ở mức độ ít hiệu quả và không hiệu quả. Thực tế cho thấy, khi tham gia vào nhóm giáo dục kiến thức về pháp luật, sinh viên DTTS được củng cố thêm kiến thức về luật cơ bản như luật dân sự, luật hình sự, luật lao động... Bên cạnh đó các em được chia sẻ các biện pháp giúp loại bỏ các hủ tục lạc hậu, trái pháp luật của địa phương mình sinh sống. Các em cũng được tham gia các cuộc thi, các buổi tuyên truyền về luật bình đẳng giới và các luật khác... Nội dung giáo dục kiến thức về HIV/AIDS được đánh giá hiệu quả cao tới 93%. Trong những năm qua, không có sinh viên DTTS nào bị nhiễm HIV/AIDS. Cùng với đó, các em có nhận thức đầy đủ về HIV/AIDS và tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS cho người dân tại cộng đồng trong các kì nghỉ Tết, nghỉ hè, hay qua các khóa thực hành, thực tập tại cộng đồng.

Nội dung giáo dục kiến thức về phòng chống tệ nạn xã hội được đánh giá ở mức rất hiệu quả và hiệu quả là 83,7%, có 15,3% sinh viên DTTS đánh giá ít hiệu quả và không hiệu quả. Địa bàn nơi sinh viên DTTS sinh sống có sự phức tạp về các tệ nạn xã hội đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc. Đại bộ phận các em ở vùng cao, nhận thức về việc phòng chống các tệ nạn xã hội còn chưa đầy đủ do hàng ngày các em tiếp xúc nhiều với các tệ nạn nên cảm thấy quen và trở nên bình thường: *“Ở bản em người nghiện nhiều lắm, nên nói đến ma túy nhiều khi không còn thấy sợ nữa. Nam giới nghiện ngập, về đánh đập vợ con, thương lắm, mà em có giúp được gì đâu”* (PVS, nữ, sinh viên năm nhất, ngành Công tác xã hội).

Tại Học viện Phụ nữ Việt Nam, hoạt động nhóm giáo dục đã mang lại những lợi ích tích cực cho sinh viên DTTS. Thông qua những nội dung giáo dục kiến thức về sức khỏe sinh sản, giáo dục kiến thức về pháp luật, giáo dục kiến thức về HIV/AIDS, giáo dục kiến thức về phòng chống tệ nạn xã hội giúp cho sinh viên DTTS của Học viện vừa chắc về chuyên môn, vừa có đủ năng lực nhận thức về vấn đề của xã hội.

3.1.2. Hoạt động nhóm giải trí

Song song với các hoạt động mang tính giáo dục, việc lồng ghép các hoạt động giải trí cũng được nhân viên xã hội trú trọng triển khai. Tác giả tiến hành thành lập qua 4 nhóm giải trí (mỗi nhóm 6 sinh viên) là nhóm hoạt động văn nghệ, nhóm hoạt động thể thao, nhóm hoạt động dã ngoại, nhóm hoạt động ngoại khóa có 92,5% sinh viên DTTS cho biết hoạt động giải trí đóng vai trò quan trọng trong hoạt động ngày thường của sinh viên. Thông qua các hoạt động giải trí giúp sinh viên giải tỏa sự căng thẳng; phát triển năng khiếu cá nhân; giao lưu và chia sẻ với nhau; loại bỏ thời gian nhàn rỗi. Bên cạnh đó, 7,5% ý kiến sinh viên DTTS cho biết hoạt động giải trí còn giúp sinh viên rèn luyện sức khỏe, khẳng định giá trị của bản thân. Kết quả khảo sát các nội dung giải trí nhóm như sau:



Biểu đồ 3. Nội dung và mức độ hiệu quả của các hoạt động giải trí

Hoạt động văn nghệ: Có 4,2% ý kiến đánh giá hoạt động văn nghệ là không hiệu quả. Nhân viên xã hội thành lập nhóm hoạt động văn nghệ với mục tiêu khai thác tiềm năng văn nghệ của mỗi sinh viên, khai thác bản sắc văn hóa của dân tộc đến từ các điệu dân ca, các điệu múa, câu chuyện dân gian... Hoạt động này giúp các em vừa thể hiện được khả năng của bản thân, vừa nhận thức vai trò quan trọng của đa dạng văn hóa theo dân tộc.

“Hoạt động văn nghệ rất hữu ích đối với những sinh viên dân tộc thiểu số chúng em. Qua các buổi luyện tập văn nghệ, chúng em thấy tự tin hơn. Bên cạnh đó, văn nghệ còn giúp chúng em hiểu biết hơn về văn hóa dân tộc mình thông qua các bài hát, điệu múa...” (PVS, sinh viên năm 2, ngành Luật).

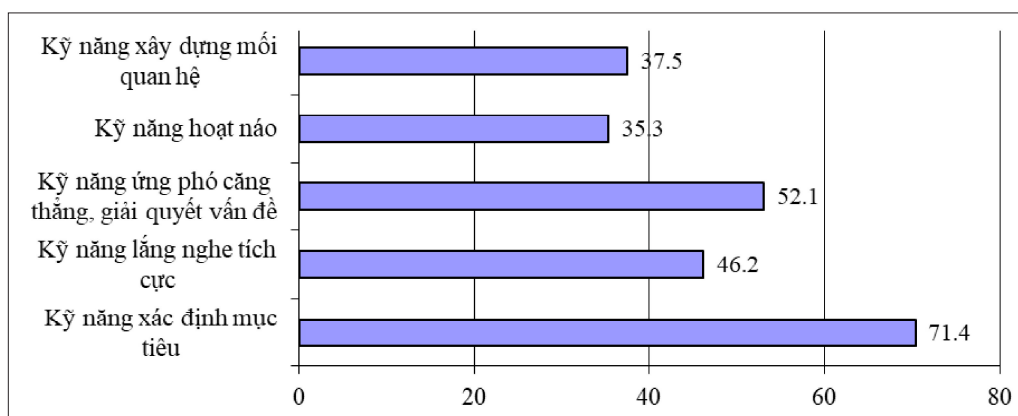
Hoạt động thể thao: Hoạt động thể thao được đánh giá có tính hiệu quả cao nhất trong các hoạt động của nhóm giải trí. Chỉ có 1,7% ý kiến đánh giá hoạt động thể thao không hiệu quả. Trong nhóm hoạt động thể thao, sinh viên được tham gia các nội dung: chia sẻ về môn

thể thao đặc thù của dân tộc mình, hướng dẫn cách chơi các môn thể thao như đẩy gậy, bắn nỏ, đấu vật, kéo co... Qua đó, sinh viên được hiểu hơn về văn hóa của dân tộc bạn, trân quý giá trị văn hóa của dân tộc mình.

Hoạt động ngoại khóa: Trong nhóm hoạt động ngoại khóa, nhân viên công tác xã hội tổ chức cho sinh viên thực hiện các chủ đề do nhóm lựa chọn theo tuần: chia sẻ kinh nghiệm học tập ở bậc đại học, cách sử dụng hiệu quả mạng xã hội Facebook, Zalo hiện nay... Hoạt động ngoại khóa được đánh giá có tính hiệu quả thấp nhất trong các nội dung hoạt động của nhóm giải trí. Có 8,2% ý kiến đánh giá hoạt động này không hiệu quả. Hoạt động này chưa được quan tâm nhiều do sinh viên DTTS dành nhiều thời gian cho hoạt động thể thao và văn nghệ. Các em đến từ nhiều chuyên ngành học khác nhau nên khó khăn trong việc chia sẻ, tiếp thu các kiến thức của nhiều ngành với nhau.

3.1.3. Hoạt động nhóm phát triển kỹ năng xã hội

Kỹ năng xã hội là những kỹ năng cần thiết, quan trọng của mỗi người cần có trong cuộc sống, nhất là trong thời kỳ hội nhập. Theo kết quả nghiên cứu, sinh viên DTTS có những đặc điểm rất riêng, do đó trong các hoạt động trợ giúp của CTXH nhóm, nhân viên xã hội đã chú ý đến phát triển kỹ năng xã hội cho sinh viên DTTS. Nội dung này giúp sinh viên DTTS học hỏi được những kỹ năng mới, có thể phân tích và xử lý những tình huống khó khăn, có phương pháp tiếp cận và thích ứng với các vấn đề xã hội mới nảy sinh, tạo dựng bản lĩnh sống vững vàng, hoàn thiện và khẳng định được bản thân. Trong hoạt động nhóm phát triển kỹ năng xã hội, nghiên cứu thành lập 1 nhóm gồm 8 sinh viên DTTS. Nội dung sinh hoạt của các nhóm là phát triển kỹ năng xây dựng mối quan hệ, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng ứng phó căng thẳng, giải quyết vấn đề, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng xác định mục tiêu. Tham gia vào sinh hoạt nhóm này, sinh viên DTTS còn được trải nghiệm những tình huống có thực hành các kỹ năng trên, giúp các em có thêm kinh nghiệm, không bị ngỡ ngàng khi thực hiện trong đời sống. Kết quả tổng hợp từ nghiên cứu các nội dung phát triển kỹ năng xã hội cho sinh viên DTTS như sau:



Biểu đồ 4. Các kỹ năng xã hội cơ bản trang bị cho sinh viên DTTS

Số liệu ở Biểu đồ 4 cho thấy, khi sinh viên DTTS của Học viện được trang bị các kỹ năng xã hội cơ bản như: kỹ năng xây dựng mối quan hệ; kỹ năng hoạt náo; kỹ năng ứng phó căng thẳng, giải quyết vấn đề; kỹ năng lắng nghe tích cực; kỹ năng xác định mục tiêu thì đã có những hiệu quả nhất định. Trong đó, nội dung kỹ năng xác định mục tiêu được sinh viên DTTS đánh giá hiệu quả nhiều nhất, chiếm 71,4%; kỹ năng hoạt náo được sinh viên DTTS đánh giá ít hiệu quả nhất chiếm 35,3%. Ở nội dung hoạt động này, nhân viên xã hội có vai trò tìm hiểu thông tin, xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo, mời chuyên gia chia sẻ kỹ năng sống, tổ chức các nhóm hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng xã hội. Khi tham gia vào nhóm phát triển kỹ năng xã hội, dưới sự điều phối của nhân viên công tác xã hội và trưởng nhóm, sinh viên DTTS có thể tự làm chủ được bản thân, ứng xử phù hợp với người thân, bạn bè, xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động học tập và tích lũy được kỹ năng mềm để tích cực tham gia lao động sáng tạo, thành công.

3.1.4. Hoạt động nhóm hỗ trợ hướng nghiệp, tìm kiếm việc làm

Nhân viên công tác xã hội đẩy mạnh công tác thông tin, hướng nghiệp, kết nối việc làm trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Thông qua các nhóm nhỏ sinh viên, hỗ trợ cho các nhóm sinh viên DTTS thành lập các trang facebook, website, kết nối các cơ quan, đơn vị tuyển dụng như trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội, các Trung tâm giới thiệu việc làm tư nhân... Qua đó, tạo cơ hội cho sinh viên DTTS tham dự các hội thảo chuyên đề, rèn luyện các kỹ năng liên quan đến tìm kiếm việc làm, thực hành nghề nghiệp thông qua các buổi phỏng vấn tuyển dụng với các công việc bán thời gian. Bên cạnh đó, Học viện cũng kết nối với Văn phòng Du học Đài Loan tổ chức các buổi giới thiệu về các chương trình học tập, thực tập ở nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên DTTS còn được tham gia các chương trình tuyển thực tập sinh và việc làm bán thời gian của Vinpear Golf. Đó chính là kinh nghiệm nền tảng giúp sinh viên DTTS tăng thêm tính hiệu quả khi tham gia nhóm hỗ trợ hướng nghiệp, tìm kiếm việc làm. Khi tham gia vào nhóm, dưới sự điều phối của nhân viên công tác xã hội, những sinh viên có kinh nghiệm tìm kiếm việc làm sẽ chia sẻ cho những sinh viên chưa có kinh nghiệm, giúp sinh viên trong nhóm tự tin hơn vào hoạt động hướng nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm cho bản thân.

Tuy nhiên, tính hiệu quả của các nội dung này với sinh viên DTTS chưa cao, cụ thể: Về nội dung tham gia tư vấn giới thiệu việc làm: có 10% ý kiến của sinh viên DTTS đánh giá rất hiệu quả, 25,9% đánh giá hiệu quả, 30,8% đánh giá ít hiệu quả, 33,3% đánh giá không hiệu quả. Nguyên nhân do tính linh hoạt, chủ động của sinh viên DTTS chưa cao. Một số em còn ngại giao tiếp, trao đổi thông tin khi tiếp cận với công việc mới, có tính áp lực cao. Trong hoạt động này, vai trò của nhân viên công tác xã hội là tiến hành khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch, cung cấp thông tin về việc làm cho sinh viên DTTS, kết nối sinh viên DTTS với nhà tuyển dụng.

4. Kết luận

Trong những năm qua, Học viện Phụ nữ Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách, hoạt động hỗ trợ đối với sinh viên DTTS, với mục đích đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho từng địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn cả về vật chất và tinh thần, đội ngũ cán bộ nhân viên làm công tác xã hội vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn CTXH, vẫn còn có những sinh viên DTTS chưa được tiếp cận các dịch vụ CTXH. Vì vậy, cần thúc đẩy hơn nữa các hoạt động CTXH nhóm với sinh viên DTTS để nâng cao hiệu quả cho quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Học viện. Các giải pháp cần thực hiện cụ thể như:

Thứ nhất, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên CTXH của Học viện (hiện nay là bộ phận Phòng Công tác sinh viên). Tuyển nhân viên CTXH chuyên nghiệp; hoàn thiện, chuẩn hóa bộ tài liệu tập huấn, xây dựng kế hoạch tập huấn hàng năm để từng bước nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên CTXH; tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho đội ngũ cán bộ nhân viên, cộng tác viên CTXH có kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm việc chuyên nghiệp với sinh viên DTTS nói riêng và sinh viên của Học viện nói chung.

Thứ hai, nâng cao năng lực cho sinh viên DTTS. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng mềm cho sinh viên DTTS. Giúp các em mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và sẵn sàng hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả. Tiếp tục tổ chức các khóa học phụ đạo, khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng mềm cho các nhóm nhỏ sinh viên DTTS. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nhiều hơn nữa các hoạt động xã hội để xóa bỏ mặc cảm DTTS, tự ti của các em.

Thứ ba, truyền thông nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, sinh viên và cộng đồng về các dịch vụ của CTXH. Đa dạng hóa, đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, giảng viên, cán bộ, nhân viên nhà trường về nghề CTXH, về các hoạt động, nhiệm vụ của CTXH với sinh viên DTTS, các hình thức trợ giúp cho nhóm đối tượng này. Tổ chức các biện pháp truyền thông về CTXH, CTXH nhóm. Sử dụng đa dạng các biện pháp và các hình thức truyền thông, tuyên truyền về vai trò của CTXH trong việc trợ giúp sinh viên DTTS. Tăng cường sử dụng đa dạng các kênh thông tin truyền thông đại chúng như truyền hình, phát thanh và báo chí. Tổ chức có hiệu quả đợt cao điểm kỷ niệm ngày Công tác xã hội Việt Nam. Qua đó tuyên truyền về các dịch vụ CTXH của nhà trường đang triển khai hiện nay.

Thứ tư, phát triển mạnh mẽ mạng lưới cung cấp các dịch vụ CTXH, cộng tác viên CTXH tại các trường học. Ngành giáo dục và đào tạo cần xác định những nội dung trọng tâm cần triển khai thực hiện CTXH trong nhà trường. Trên cơ sở đó xây dựng văn bản quy định về nội dung, phương pháp, quy trình hoạt động của CTXH trong trường học. Đẩy mạnh, nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong Học viện về

vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ CTXH học đường. Trên cơ sở đó yêu cầu các thành viên cam kết thúc đẩy việc hình thành và phát triển dịch vụ CTXH học đường.

Thứ năm, nhân viên CTXH cần thu hút sự tham gia của sinh viên DTTS trong các hoạt động phong trào, tham gia các câu lạc bộ, tham gia vào các hoạt động lao động sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kỹ năng xã hội, hạn chế những mặc cảm, tự ti trong cuộc sống. Nhân viên xã hội nên thực hiện các trợ giúp pháp lý, biện hộ quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên DTTS về vị thế, vai trò của họ trong xã hội. Tham vấn cho sinh viên DTTS về tâm lý và các vấn đề gặp phải trong cuộc sống. Nhân viên xã hội cần sử dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong quá trình tham vấn, tư vấn để hỗ trợ cá nhân, nhóm vượt qua được những khó khăn một cách hiệu quả. Điều phối, khích lệ các thành viên chia sẻ cảm xúc bản thân với các thành viên khác, học cách giao tiếp tích cực, thể hiện sự tương trợ, đùm bọc cũng như giải tỏa những vướng mắc, xung đột.

Tài liệu tham khảo

Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2017). *Công tác xã hội với các dân tộc thiểu số*. Hà Nội: Nxb Lao động - Xã hội.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012). *Khung chính sách dân tộc thiểu số*. Báo cáo dự án quản lý thiên tai Việt Nam.

Phạm Văn Hải (2016). *Công tác xã hội nhóm với người có công bị tâm thần từ thực tiễn Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Thái Bình*. Luận văn thạc sỹ, Học viện Khoa học xã hội.

Nguyễn Thị Thái Lan (2008). *Giáo trình công tác xã hội nhóm*. Hà Nội: Nxb Lao động Xã hội.

Bùi Thị Xuân Mai (2007). *Một số kỹ năng tham vấn cơ bản cho cán bộ xã hội*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

Vũ Thị May (2016). *Công tác xã hội nhóm đối với trẻ em mồ côi từ trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội*. Luận văn thạc sỹ, Học viện Khoa học Xã hội.

Nông Thị Nhung (2017). *Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập của sinh viên dân tộc Tày của vùng Đông Bắc Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.

Đặng Thái Sơn (2014). *Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố ngôn ngữ tới kết quả học tập của sinh viên dân tộc thiểu số tại trường CĐSP Điện Biên*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư Phạm Hà Nội.

Hà Thị Thư (2012). *Kĩ năng công tác xã hội nhóm của sinh viên ngành công tác xã hội*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.